TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 80/2018/HNGĐ-ST Ngày: 11-5-2018 V/v " Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tiền Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hoàng

2. Bà Trần Thị Đổi

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 11 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 158/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 12/4/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Trúc P, sinh năm 1985.

Địa chỉ: thị trấn N, huyện N, tỉnh Long An. (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1979.

Địa chỉ: ấp S, xã P, huyện N, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/3/2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Đặng Thị Trúc P trình bày: Bà và ông Phạm Văn Đ được mai mối, sau đó, bà và ông Phạm Văn Đ tiến tới hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2011. Bà và ông Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Long An vào ngày 18/3/2011. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau, cuộc sống không hạnh phúc, ông

Đón có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Hiện tại, bà xác định tình cảm không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Văn Đ.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, bà và ông Đ có con chung tên là Phạm Đặng Phúc K, sinh ngày 07/3/2012, giới tính: Nam. Hiện tại, bà đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản: Bà Đặng Thị Trúc P xác định bà và ông Đ không có tài sản chung, nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Đặng Thị Trúc P xác định bà và ông Phạm Văn Đ không có nợ ai.

Bị đơn là ông Phạm Văn Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các Văn bản tố tụng của Tòa án, thể hiện việc bà Phương xin ly hôn với ông Đ, nhưng ông Đ vẫn không có văn bản ý kiến trình bày đối với các yêu cầu khởi kiện của bà P.

Tại phiên tòa, bị đơn là ông Phạm Văn Đ vắng mặt. Nguyên đơn là bà Đặng Thị Trúc P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Đặng Thị Trúc P khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Phạm Văn Đ. Ông Đ đang cư trú tại xã P, huyện N, tỉnh Long An. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn là bà Đặng Thị Trúc P có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án, nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[3] Bị đơn là ông Phạm Văn Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Trúc P:

[4.1] Về hôn nhân: Xét thấy, bà Đặng Thị Trúc P và ông Phạm Văn Đ tự nguyện sống chung và đã đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 41/2011 quyển số 01/2011 đăng ký ngày 18/3/2011 do Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Long An cấp, nên hôn nhân giữa bà P và ông Đ là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét thấy, quá trình chung sống giữa bà P và ông Đ đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên

nhân là do bất đồng quan điểm sống, 02 vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau, bà P cho rằng ông Đ có quan hệ với người phụ nữ khác, nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Xét thấy, ông Đ đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án thể hiện việc bà P xin ly hôn với ông Đ tại Tòa án, nhưng ông Đ không có ý kiến, không thể hiện ý chí muốn đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa, bà P xác định không còn tình cảm gì với ông Đ và vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà P và ông Đ là có thật, quan hệ hôn nhân của hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy, việc bà P kiên quyết ly hôn với ông Đ là có cơ sở, nghĩ nên chấp nhận xử cho bà Đặng Thị Trúc P được ly hôn với ông Phạm Văn Đ là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4.2] Về nuôi con chung: Theo quy định tại các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: "...Vợ, chồng được quyền thỏa thuận người trực tiếp nuôi con...; Nếu con từ 07 (bảy) tuổi trở lên thì xem xét nguyện vọng của con...". Do tại thời điểm xét xử, Phạm Đặng Phúc K, sinh ngày 07/3/2012 chưa đủ 07 tuổi, nên Tòa án không lấy ý kiến nguyện vọng của cháu Khang muốn sống với ai; Mặc khác, ông Đ cố tình vắng mặt, nên không thể thỏa thuận người trực tiếp nuôi con. Nhưng hiện tại, bà P làm công nhân có thu nhập ổn định và con chung đang được bà P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, vì lợi ích của con, đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống, trong học tập sau này, nên cần giao cháu Phạm Đặng Phúc K cho bà Đặng Thị Trúc P trực tiếp chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện của bà P không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

[4.3] Về chia tài sản, về nợ chung: Do ông Đ cố tình vắng mặt, không có ý kiến trình bày; Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và bà P xác định giữa bà P và ông Đ không có nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này, các bên đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Buộc bà Đặng Thị Trúc P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 27

của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Trúc P về việc tranh chấp ly hôn với ông Phạm Văn Đ.

1. Về hôn nhân: Bà Đặng Thị Trúc P được ly hôn với ông Phạm Văn Đ.

2. Về nuôi con chung: Bà Đặng Thị Trúc P được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên là Phạm Đặng Phúc K, sinh ngày 07/3/2012, giới tính: Nam không yêu cầu ông Phạm Văn Đ cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Buộc bà Đặng Thị Trúc P phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà Nước, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002349 ngày 11/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Bà Đặng Thị Trúc P đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn là bà Đặng Thị Trúc P có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn là ông Phạm Văn Đ vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

- UBND thị trấn N, huyện N, tỉnh Long An *(để ghi vào sổ hộ tịch)*;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

Đinh Tiền Phương